

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1787/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức và số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1025-TB/TU ngày 27/9/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức; tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế), phương thức quản lý, thẩm quyền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 401/TTr-STC ngày 23/10/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; huyện, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo.

**Điều 2.** Phê duyệt số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo.

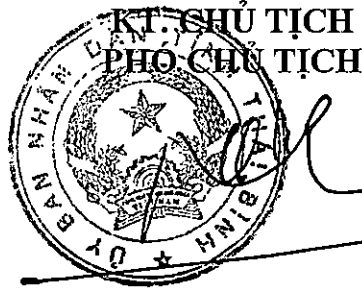
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thái Bình; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, cơ quan Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo Thái Bình, Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình, Công báo Thái Bình;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



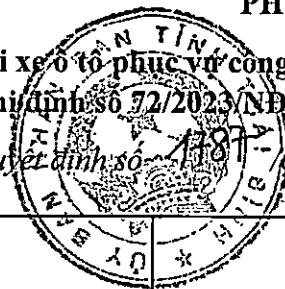
Nguyễn Quang Hưng



PHỤ LỤC SỐ 01

Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 52/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)



STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
I	<b>KHỐI CÁC VĂN PHÒNG CẤP TỈNH</b>	15	15	0	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4	4		Trong đó 01 xe 2 cầu có công suất lớn giá tối đa 2.800 triệu đồng/xe nhằm phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	5	5		
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	6	6		Trong đó 01 xe 2 cầu có công suất lớn giá tối đa 2.800 triệu đồng/xe nhằm phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc
II	<b>KHỐI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH; ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP TỈNH</b>	81	78	3	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	3	1	
1.1	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	2	2		
1.2	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh	1		1	
1.3	Trung tâm Phát triển quỹ đất và kỹ thuật tài nguyên	1	1		
2	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	6	6	0	
2.1	Văn phòng Sở Lao động Thương binh và xã hội	2	2		
2.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1	1		
2.3	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	1	1		
2.4	Trung tâm Cai nghiện ma túy công lập	1	1		

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
2.5	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công	1	1		
3	Sở Công thương	2	2	0	
3.1	Văn phòng Sở Công thương	2	2		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	2	0	
5	Sở Tài chính	2	2	0	
5.1	Văn phòng Sở Tài chính	2	2		
6	Sở Nội vụ	2	2	0	
6.1	Văn phòng Sở Nội vụ	1	1		
6.2	Chi cục Văn thư lưu trữ	1	1		
7	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	5	4	1	
7.1	Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và du lịch	2	2		
7.2	Bảo tàng tỉnh	1	1		
7.3	Trung tâm văn hóa tỉnh	1		1	
7.4	Trung tâm huấn luyện và thi đấu	1	1		
8	Sở Giao thông Vận tải	4	4	0	
8.1	Văn phòng Sở Giao thông vận tải	2	2		
8.2	Ban quản lý bến xe, bến sông	1	1		
8.3	Ban Quản lý và bảo trì công trình đường bộ tỉnh	1	1		
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6	5	1	
9.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2		
9.2	Chi cục Phát triển nông thôn	1	1		
9.3	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	1	1		
9.4	Trung tâm khuyến nông	1		1	
9.5	Trường Trung cấp nông nghiệp	1	1		

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
10	Sở Xây dựng	3	3	0	
10.1	Văn phòng Sở Xây dựng	1	1		
10.2	Viện Quy hoạch xây dựng	1	1		
10.3	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng	1	1		
11	Sở Y tế	26	26	0	
11.1	Văn phòng Sở Y tế	1	1		
11.2	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	1	1		
11.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	1		
11.4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2	2		
11.5	Bệnh viện Nhi	1	1		
11.6	Bệnh viện Phụ sản	1	1		
11.7	Bệnh viện Mắt	1	1		
11.8	Bệnh viện Y học cổ truyền	1	1		
11.9	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	1		
11.10	Bệnh viện Da liễu	1	1		
11.11	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	1	1		
11.12	Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân	1	1		
11.13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng	1	1		
11.14	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ	1	1		
11.15	Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực	1	1		
11.16	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	1	1		
11.17	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Thái Bình	1	1		
11.18	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	1	1		
11.19	Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải	1	1		
11.20	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	1	1		
11.21	Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh	1	1		

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
11.22	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	1	1		
11.23	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	2	2		
11.24	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1	1		
12	<b>Sở Tư pháp</b>	2	2	0	
12.1	Văn phòng Sở Tư pháp	1	1		
12.2	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	1	1		
13	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	2	2	0	
13.1	Văn phòng Sở Khoa học và công nghệ	1	1		
13.2	Trung tâm ứng dụng Thông tin khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm Thái Bình	1	1		
14	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	4	4	0	
14.1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	2	2		
14.2	Trường THPT Chuyên Thái Bình	1	1		
14.3	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	1	1		
15	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	2	2	0	
15.1	Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông	1	1		
15.2	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	1	1		
16	<b>Thanh tra tỉnh</b>	2	2		
17	<b>Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh</b>	2	2	0	
17.1	Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh	1	1		
17.2	Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ đầu tư và dịch vụ khu công nghiệp	1	1		
18	<b>Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Bình</b>	1	1		

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
19	Tỉnh đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1		
20	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Bình	1	1		
21	Hội Cựu chiến binh tỉnh Thái Bình	1	1		
22	Hội Nông dân tỉnh Thái Bình	1	1		
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH (trừ lĩnh vực y tế, GDĐT, dạy nghề)	5	5	0	
23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1		
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	1	1		
25	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	1	1		
26	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thái Bình	2	2		
IV	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH thuộc lĩnh vực y tế, GDĐT, dạy nghề	9	9	0	
27	Trường Cao đẳng nghề Thái Bình	1	1		
28	Trường Cao đẳng y tế Thái Bình	2	2		
29	Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Thái Bình	1	1		
30	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	2	2		
30.1	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	2	2		
31	Trường Đại Học Thái Bình	2	2		
32	Trường Chính trị tỉnh Thái Bình	1	1		

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi (trừ xe bán tải)	Xe ô tô bán tải (số lượng)	
V	KHỐI HUYỆN	56			
1	Thành phố Thái Bình	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
2	Huyện Quỳnh Phụ	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
3	Huyện Hưng Hà	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
4	Huyện Đông Hưng	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
5	Huyện Vũ Thư	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
6	Huyện Kiến Xương	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
7	Huyện Tiền Hải	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		
8	Huyện Thái Thụy	7	Xe ô tô từ 4-16 chỗ, xe ô tô bán tải		





## PHỤ LỤC SỐ 02

Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Trong đó	
			Số lượng xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi	Số lượng xe ô tô bán tải
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
1.1	Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường	1		1
<b>2</b>	<b>Sở Lao động Thương binh và xã hội</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
2.1	Trung tâm Chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	1	1	
2.2	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công	1	1	
2.3	Văn phòng Sở Lao động Thương binh và xã hội	1	1	
<b>3</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
3.1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1		1
3.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1		1
3.3	Chi cục Thủy sản	1		1
3.4	Chi cục Kiểm Lâm	1		1